

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/DS-PT

Ngày: 21-6-2022

“V/v Tranh chấp di sản thừa kế”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hồng Vân.

*Các thẩm phán:*

Bà Phạm Thị Mai Dung;

Ông Nguyễn Văn Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bé Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2022/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thanh N, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số 196, tổ 8, khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của chị N:* Anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số 5/4B, khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 17/4/2018); có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà Châu Thị B, sinh năm 1963; nơi cư trú: Tổ 8, khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*Người đại diện hợp pháp của bà B:* Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 1226, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 20/6/2018); có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số 5/6, tổ 3, khu phố 1, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L:* ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số 76, đường P, khu phố 1, Phường 3, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà L:* anh Trần Thanh S, sinh năm 1990; nơi cư trú: số nhà F78/2B, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.2. Chị Huỳnh Thị Kim V, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 5/6, tổ 3, khu phố 1, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3.3. Chị Huỳnh Nhật Ph, sinh năm 1995; nơi cư trú: Số 5/6, tổ 3, khu phố 1, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện ngày 17/4/2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/8/2018 và ngày 20/8/2018 của nguyên đơn, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tr trình bày:*

Ông Huỳnh Ngọc C và bà Châu Thị B chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn, chị N là con chung của ông C và bà B. Ngày 02/02/2018, ông C chết không để lại di chúc. Di sản để lại gồm: phần đất thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 49, diện tích 190,6 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên quyền sử dụng đất. Chị N xác định đây là tài sản chung của ông C và bà B và yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế của ông C gồm bà Nguyễn Thị Kim L, chị Huỳnh Thị Kim V, chị Huỳnh Nhật Ph và chị Huỳnh Thanh N và chia cho bà B 01 phần vì bà B có công sức tôn tạo, giữ gìn đất.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Lê Thị Kiều D trình bày:*

Bà B sống chung như vợ chồng với ông C từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông C gồm có: chị N, bà L, chị V, chị Ph.

Di sản ông C chết để lại gồm phần đất thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 49, diện tích 190,6 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc đất do cô ruột của bà B là bà Châu Thị Tr cho vợ chồng bà B, ông C vào năm 1991, vợ chồng bà B làm nhà trên đất và sinh sống từ năm 1991 cho đến nay. Do bà B không biết chữ nên ông C đứng tên kê khai đăng ký và đã được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C đứng tên. Bà B yêu cầu xác định 1/2 khối tài sản trên là của bà B, còn 1/2 khối tài sản còn lại chia di sản thừa kế và yêu cầu chia theo pháp luật, nguyện vọng được nhận toàn bộ nhà và đất trên do hiện tại bà B không có nơi nào khác để ở và đồng ý hoàn giá trị cho các đồng thừa kế của ông C và yêu cầu xem xét chia cho bà B 01 phần công sức giữ gìn, quản lý, tôn tạo đất.

*Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim L là ông Vương Sơn H trình bày:*

Bà L và ông C sống chung với nhau từ năm 1986, có đăng ký kết hôn vào năm 1990. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim V và Huỳnh Nhật Ph; tạo lập được khối tài sản là phần đất thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 49, diện tích 190,6 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này có nguồn gốc do ông C nhận chuyển nhượng của bà Châu Thị Tr vào năm 1992 với giá là 05 lượng vàng 24K 9999 (số vàng này là vàng cưới của ông C và bà L). Năm 2004, thì ông C làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đứng tên chủ sử dụng. Chị N và bà B cho rằng đất này có nguồn gốc từ bà Châu Thị Tr (cô ruột của bà B cho bà B theo giấy ủy quyền của bà Tr ngày 15/6/1989 cho cháu rể) là không phù hợp và không đúng với thực tiễn khách quan vì năm 1989, bà B là vợ hợp pháp của ông Trần Văn H, giữa bà B và ông H có 01 người con chung là Trần Thị Cẩm Nh, sinh năm 1989 (chị Nh sinh trước 05 ngày so với giấy ủy quyền đất) đến năm 1991 thì ông H chết. Việc ông C ghi nguồn gốc đất là “cô vợ” cho từ năm 1989 là để xác định mốc thời gian sử dụng đất theo hướng dẫn của cơ quan địa chính và do giấy sang nhượng đất đã bị thất lạc. Do đó, bà L, chị V, chị Ph không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xác định 1/2 diện tích đất trên là của bà B. Đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông C, yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C theo quy định của pháp luật.

*Người đại diện của chị Huỳnh Thị Kim V và chị Huỳnh Nhật Ph trình bày:*

Hai chị là con của bà Huỳnh Thị Kim Loan và ông Huỳnh Ngọc C chết ngày 02/02/2018. Ông bà nội của hai chị chết trước ông C. Ông C không có cha mẹ nuôi, không có con nuôi. Ông C chết để lại phần đất thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 49, diện tích 190,6 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Phần đất này có nguồn gốc do ông C nhận chuyển nhượng của bà Châu Thị Tr vào năm 1992 với giá là 05 lượng vàng 24K 9999 (số vàng này là vàng cưới của ông C và bà L). Đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa cha mẹ của hai chị là bà L và ông C. Nên hai chị yêu cầu chia di sản thừa kế của ông C theo quy định của pháp luật.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2019/DSST ngày 04-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tuyên xử:*

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 618, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thanh N đối với bà Châu Thị B và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim L về tranh chấp di sản thừa kế.

2. Bà Nguyễn Thị Kim L được quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 190,6 m<sup>2</sup>, tại thửa số 28, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại Khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận: Đông giáp đường 785, Tây giáp thửa đất số 22, Nam giáp đường bê tông, Bắc giáp thửa đất số 27 và được quyền sở hữu 01 căn nhà xây, 01 nhà tạm, 01 nhà vệ sinh trên đất. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02326QSDĐ/1094/QĐ-UB(HL) do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12/11/2004 cho ông Huỳnh Ngọc C đứng tên sử dụng).

3. Bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ giao lại cho chị Huỳnh Thanh N, chị Huỳnh Thị Kim V, và chị Huỳnh Nhật Ph mỗi người với số tiền là 416.675.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thanh N về yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 69,1 m<sup>2</sup>, tại thửa số 132, tờ bản đồ số 22; đất tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn hòa Thành (nay là phường H thị xã H), huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

4. Bà Châu Thị B, chị Huỳnh Thanh N có nghĩa vụ rời khỏi nhà, đất trên và giao lại cho bà Nguyễn Thị Kim L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 02326QSDĐ/1094/QĐ-UB (HL) do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Huỳnh Ngọc C để bà L thực hiện quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12-11-2019 bà Châu Thị B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N và công nhận cho bà được 1/2 nhà, đất có diện tích 190,6 m<sup>2</sup> thửa số 28, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

*Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 55/2020/DS-PT ngày 07-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Quyết định:*

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 618, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thanh N đối với bà Châu Thị B và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim L về tranh chấp di sản thừa kế.

2. Bà Nguyễn Thị Kim L được quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 190,6 m<sup>2</sup>, tại thửa số 28, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận: Đông giáp đường 785, Tây giáp thửa đất số 22, Nam giáp đường bên sông, Bắc giáp thửa đất số 27 và được quyền sở hữu 01 căn nhà xây cùng 01 cây dừa trên đất (kèm theo sơ đồ đo đạc hiện trạng).

Bà Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ giao lại cho chị Huỳnh Thanh N, chị Huỳnh Thị Kim V và chị Huỳnh Nhật Ph mỗi người với số tiền là 416.675.000 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thanh N về việc yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 69,1 m<sup>2</sup>, tại thửa số 132, tờ bản đồ số 22; tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh).

4. Bà Châu Thị B, chị Huỳnh Thanh N có nghĩa vụ rời khỏi nhà, đất trên và giao lại cho bà Nguyễn Thị Kim L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02326QSDĐ/1904/QĐ-UB (HL) do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12/11/2004 cho ông Huỳnh Ngọc C để bà Nguyễn Thị Kim L thực hiện quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

*Tại Quyết định kháng nghị Giám đốc thẩm số: 196/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 20/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định:*

1. Kháng nghị toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 55/2020/DSPT ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết vụ án “*Tranh chấp di sản thừa kế*” theo thủ tục giám đốc thẩm.

2. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án

nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Tạm đình chỉ thi hành Bản án dân sự phúc thẩm số 55/2020/DSPT ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh cho đến khi có Quyết định giám đốc thẩm.

*Tại Quyết định giám đốc thẩm số: 248/2020/DS-GĐT ngày 06/11/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định:*

Căn cứ Điều 337 và Điều 343 của Bộ luật tố tụng dân sự:

1. Chấp nhận một phần Kháng nghị giám đốc thẩm số 196/KNGĐT-VKS-DS ngày 20/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về vụ án “*Tranh chấp di sản thừa kế*” giữa nguyên đơn là bà Huỳnh Thanh N với bị đơn là bà Châu Thị B.

2. Hủy một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 55/2020/DS-PT ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2019/DS-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh đối với phần đất diện tích 190,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2022/DS-ST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tuyên xử:*

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 618, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thanh N đối với bà Châu Thị B và không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim L về tranh chấp di sản thừa kế.

- Bà Châu Thị B được quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 190,6 m<sup>2</sup>, tại thửa số 28, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại Khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận: Đông giáp đường 785, Tây giáp thửa đất số 22, Nam giáp đường bê tông, Bắc giáp thửa đất số 27 và được quyền sở hữu 01 căn nhà xây, 01 nhà tạm, 01 nhà vệ sinh trên đất. (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02326QSĐĐ/1094/QĐ-UB(HL) do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12/11/2004 cho ông Huỳnh Ngọc C đứng tên sử dụng).

Bà Châu Thị B thực hiện quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

- Bà Châu Thị B có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị Kim L, chị Huỳnh Thị Kim V và chị Huỳnh Nhật Ph mỗi người với số tiền là 332.799.600 đồng.

Ngày 14/4/2022, bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo cho rằng chia tài sản cho ông C, bà B mỗi người 1/2 giá trị tài sản là không đúng; diện tích đất này là tài sản chung của bà và ông C có được trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp được Nhà nước thừa nhận.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L là ông Nguyễn Văn T trình bày:*

Bà L và ông C sống chung với nhau từ năm 1986, có đăng ký kết hôn vào năm 1990. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Huỳnh Thị Kim V và Huỳnh Nhật Ph và tạo lập được khối tài sản là phần đất thuộc thửa 28, tờ bản đồ số 49, diện tích 190,6 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Tại bản án sơ thẩm lần 2, cho rằng phần đất tranh chấp là của bà B và ông C là không đúng. Phần đất này có nguồn gốc do ông C nhận chuyển nhượng của bà Châu Thị Tr vào năm 1992 với giá là 05 lượng vàng 24K 9999 (số vàng này là vàng cưới của ông C và bà L). Năm 2004, thì ông C làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đứng tên chủ sử dụng. Chị N và bà B cho rằng đất này có nguồn gốc từ bà Châu Thị Tr (cô ruột của bà B cho bà B theo giấy ủy quyền của bà Tr ngày 15/6/1989 cho cháu rể) là không phù hợp và không đúng với thực tiễn khách quan vì năm 1989, bà B là vợ hợp pháp của ông Trần Văn H, giữa bà B và ông H có 01 người con chung là Trần Thị Cẩm Nh, sinh năm 1989 (chị Nh sinh trước 05 ngày so với giấy ủy quyền đất) đến năm 1991 thì ông H chết. Việc ông C ghi nguồn gốc đất là “cô vợ” cho từ năm 1989 là để xác định mốc thời gian sử dụng đất theo hướng dẫn của cơ quan địa chính và do giấy sang nhượng đất đã bị thất lạc. Do đó, bà L không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị N về việc xác định 1/2 diện tích đất trên là của bà B. Đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông C, yêu cầu chấp nhận kháng cáo của bà L.

*Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ việc;

người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh về án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Huỳnh Thanh N là Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Tr đại diện có mặt; bà Châu Thị B là Bị đơn vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho bà Lê Thị Kiều D có mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N, bà B.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L thì thấy rằng: Ông Huỳnh Ngọc C và bà Nguyễn Thị Kim L chung sống với nhau từ năm 1986, có đăng ký kết hôn năm 1990. Ông C, bà L có 02 con chung là Huỳnh Thị Kim V và Huỳnh Nhật Ph. Năm 1992, ông C sống chung như vợ chồng với bà Châu Thị B và có 01 người con chung tên là Huỳnh Thanh N. Ngày 02/02/2018, ông C chết không để lại di chúc. Tài sản tranh chấp là phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 190,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 4, 01 nhà tạm và 01 nhà vệ sinh.

Bà L cho rằng diện tích 190,6 m<sup>2</sup>, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh là của bà và ông C nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà Châu Thị Tr, sau đó xây nhà từ nguồn tiền chung của ông C và bà L nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc nhận chuyển nhượng đất này. Ngược lại bà B trình bày bà được cô ruột là bà Châu Thị Tr tặng cho phần đất trên từ năm 1989 nhưng do bà B không biết chữ nên bà để ông C đứng tên trên các giấy tờ nhà và đất. Lời khai bà B phù hợp với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C thể hiện tại tờ khai ngày 22/02/2004, ông C xác định nguồn gốc đất là “cô vợ” cho từ năm 1989; tại giấy ủy quyền đề ngày 15/6/1989 thể hiện bà Tr cho ông C sử dụng đất với tư cách là “cháu rể”. Bà L thừa nhận bà không có quan hệ họ hàng, bà con gì với bà Tr, trong khi đó bà Tr là cô ruột của bà B. Nên phần đất trên là tài sản chung của ông C và bà B. Mặt khác, ông C, bà B và chị N cùng sinh sống công khai, liên tục trên nhà đất này từ năm 1992 cho đến nay, có đăng ký hộ khẩu thường



trú. Nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất của ông C, bà B, chị N được đại diện các hộ xung quanh xác nhận.

Do nhà đất trên bà B và chị N đã sinh sống ổn định từ năm 1992 cho đến nay và là nơi cư trú duy nhất của bà B. Bà L và các con đã sinh sống ổn định tại thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Bà B yêu cầu được nhận nhà đất trên và thanh toán giá trị kỷ phần cho các đồng thừa kế của ông C nên cấp sơ thẩm giao nhà đất cho bà B là phù hợp. Nên cấp sơ thẩm bác đơn yêu cầu độc lập của bà L là có căn cứ.

[3] Ngày 17/6/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh nhận được công văn số 150/CCTHADS-NV ngày 14-6-2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, cho rằng bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp 13.167.000 đồng tiền án phí theo biên lai thu số 0000098 ngày 08/6/2020; tiền án phí 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0025590 ngày 06/6/2018; tiền chi phí đo đạc, định giá 11.250.000 đồng theo biên lai thu số 0000201 ngày 08/6/2020 và số tiền 416.675.000 đồng theo biên lai thu số 0000097 ngày 08/6/2020.

Chị Huỳnh Nhật Ph đã nộp tiền chi phí đo đạc định giá cho chị Huỳnh Thanh N số tiền 2.250.000 đồng và nộp án phí 20.667.000 đồng theo biên lai thu số 0000100 ngày 08/6/2020.

Chị Huỳnh Thị Kim V đã nộp tiền chi phí đo đạc định giá cho chị Huỳnh Thanh N số tiền 2.250.000 đồng theo biên lai thu số 0000203 ngày 08/6/2020 và tiền án phí 20.667.000 đồng theo biên lai thu số 0000099 ngày 08/6/2020 theo bản án số 55/2020/DS-PT ngày 07/5/2020 và quyết định sửa chữa bổ sung Bản án phúc thẩm số 18/2020/QĐ-SCBSBA ngày 04/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh và Bản án số 115/2019/DS-ST ngày 04/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Vậy bà L đã nộp tổng cộng là 448.592.000 đồng, bà L phải chịu 16.640.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ từ số tiền đã nộp. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C hoàn trả lại cho bà L số tiền 431.952.000 đồng.

Chị Ph đã nộp 22.917.000 đồng, chị Ph phải chịu 16.640.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền đã nộp. Chi Cục Thi hành án nhân dân huyện C hoàn trả cho chị Ph số tiền 6.277.000 đồng.

Chị V đã nộp 22.917.000 đồng, chị V phải chịu 16.640.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm đã nộp. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C hoàn trả cho chị V số tiền 6.277.000 đồng.

Bản án tuyên Chị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn trả cho chị N số tiền 5.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là không đúng theo quy định của điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nên sửa phần án phí chị N

phải chịu số tiền 16.640.000 đồng, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp, chị N còn phải nộp thêm số tiền 11.515.000 đồng.

[4] Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L và không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bà L. Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự, sửa bản án số 24/2022/DS-ST ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh về phần án phí.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L không được chấp nhận nên bà L phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[6] *Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.*

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 611, 612, 613, 618, 651, 660 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Không chấp đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L.
2. Sửa Bản án sơ thẩm số 24/2022/DS-ST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh về án phí.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thanh N đối với bà Châu Thị B và không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Kim L về “Tranh chấp di sản thừa kế”.

- Bà Châu Thị B được quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 190,6 m<sup>2</sup>, tại thửa số 28, tờ bản đồ số 49, tọa lạc tại khu phố 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có tứ cận: Đông giáp đường 785, Tây giáp thửa đất số 22, Nam giáp đường bê tông, Bắc giáp thửa đất số 27 và được quyền sở hữu 01 căn nhà xây, 01 nhà tạm, 01 nhà vệ sinh trên đất (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02326QSDĐ/1094/QĐ-UB(HL) do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12/11/2004 cho ông Huỳnh Ngọc C đứng tên sử dụng). Bà

Châu Thị B được quyền thực hiện quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật.

- Bà Châu Thị B có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị Kim L, chị Huỳnh Thị Kim V và chị Huỳnh Nhật Ph mỗi người với số tiền là 332.799.600 (ba trăm ba mươi hai triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm) đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

#### 4. Về án phí:

##### 4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Châu Thị B phải chịu 71.903.928 (bảy mươi một triệu chín trăm linh ba nghìn chín trăm hai mươi tám) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thanh N phải chịu 16.640.000 (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 5.125.000 (năm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo các biên lai thu số 0025437 ngày 23/4/2018 (do anh Nguyễn Văn Tr là người nộp thay) và biên lai thu số 0025933 ngày 22/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, nên chị N phải nộp thêm số tiền 11.515.000 (mười một triệu năm trăm mười lăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 16.640.000 (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền bà L đã nộp là 448.592.000 (bốn trăm bốn mươi tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn) đồng tiền án phí theo biên lai thu số 0000098 ngày 08/6/2020; biên lai thu số 0025590 ngày 06/6/2018; biên lai thu số 0000201 ngày 08/6/2020 và biên lai thu số 0000097 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 431.952.000 (bốn trăm ba mươi một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Chị Huỳnh Nhật Ph phải chịu 16.640.000 (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền đã nộp số tiền 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng và nộp án phí 20.667.000 (hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000100 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chi Cục Thi hành án nhân dân huyện C hoàn trả cho chị Ph số tiền 6.277.000 (sáu triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

Chị Huỳnh Thị Kim V phải chịu 16.640.000 (mười sáu triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 2.250.000 (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000203 ngày 08/6/2020 và tiền án phí 20.667.000 (hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000099 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C hoàn trả cho chị V số tiền 6.277.000 (sáu triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn) đồng.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007214 ngày 14-4-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện.Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Phạm Thị Hồng Vân**